

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: Lê Anh Thắng
- Năm sinh: 1976
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): 2009, Đại học Sejong.

Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): 2019, ĐH SPKT.

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Xây dựng
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Trưởng phòng thí nghiệm Kết Cấu Công Trình, Khoa Xây Dựng, Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP. HCM.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng thí nghiệm Kết Cấu Công Trình.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): chưa
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): chưa
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): chưa

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 01 sách chuyên khảo; 01 giáo trình.
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

- Lê Anh Thắng, Giáo trình kết cấu công trình thép, nhà xuất bản Xây Dựng, 2019, ISBN 978-604-82-2793-7.
- Lê Anh Thắng và Phạm Hoàng, Sử dụng ABAQUS để mô phỏng nút khung liên hợp, nhà xuất bản Xây Dựng, 2019, ISBN 978-604-82-2797-5.

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

- a) Tổng số đã công bố: 45 bài báo tạp chí và hội nghị trong nước; 22 bài báo tạp chí và hội nghị quốc tế.
 b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kể với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước:

Nguyễn Phước Minh, Lê Anh Thắng. (2020). Nghiên cứu đặc tính khai thác vật liệu bê tông nhựa sử dụng phụ gia RFCC và đối chứng bê tông nhựa truyền thống. Tạp chí GTVT (Số tháng 12/2020).

Lê Anh Thắng. (2021). Nghiên cứu đánh giá khả năng kháng nứt môi của bê tông nhựa sử dụng RFCC. Tạp chí GTVT (Số tháng 8/2021).

Lê Anh Thắng, Bùi Thanh Thắng (2019). Chọn tối ưu kích thước tiết diện của nhà công nghiệp nhíp từ 35 đến 60m. Tạp chí Xây Dựng.

Lê Anh Thắng, Nguyễn Thanh Vinh (2018). Ảnh hưởng của xi thép hạt nhỏ đến cường độ bê tông. Tạp chí Xây Dựng.

Lê Anh Thắng, Lê Quý Đức (2017). Xác định biến dạng của bề mặt dầm bê tông cốt thép bằng phương pháp tương quan ảnh kỹ thuật số. Tạp chí Xây Dựng.

- Quốc tế:

Le, A. T., Le, V. P., & Nguyen, M. T. (2022). Optimization of SFCC as Mineral Filler in Asphalt Concrete Mixture Using Combined Methods of Taguchi and PCA. Journal of Materials in Civil Engineering, 34(7), 04022150.

Le, A. T., Nguyen, M. T., & Le, V. P. (2021). The Effect of Spent Fluid Catalytic Cracking Filler on Performance Testing of Asphalt Concrete Mixture. Advances in Materials Science and Engineering, 2021.

Nguyen, T. H., Le, A. T., & Nguyen, D. D. (2020). Bending strength diagnosis for corroded reinforced concrete beams with attendance of deterministic, random and fuzzy parameters. Journal of Structural Integrity and Maintenance, 5(3), 183-189.

Le, A. T., Lee, H. J., Park, H. M., & Kim, T. W. (2011). Development of Korean pavement design guide for asphalt pavements based on the mechanistic-empirical design principle. The Baltic Journal of Road and Bridge Engineering, 6(3), 169-176.

Le, A. T., Lee, H. J., Park, H. M., & Lee, S. Y. (2009). Development of a permanent deformation model of asphalt mixtures for South Korean pavement design guide. Transportation research record, 2095(1), 45-52.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

- a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 0 cấp Nhà nước; 01 cấp Bộ và tương đương.
 b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kể với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

- Phương pháp phát hiện ổ gà dựa trên dữ liệu hình ảnh, T2016-11TD, 2016, Cấp trường trọng điểm, Chủ nhiệm.

- Nghiên cứu dự đoán lún nền vệt bánh xe trên đường tính lộ khu vực thành phố Hồ Chí Minh, T2017-03TD, 2017, Cấp trường trọng điểm, Chủ nhiệm.

- Nghiên cứu biểu thức dự đoán nhiệt độ bề mặt kết cấu áo đường mềm khu vực phía nam, T2018-70TD, 2018, Cấp trường trọng điểm, Chủ nhiệm.

- Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tương quan hình ảnh số để xây dựng trường biến dạng trên mẫu thí nghiệm bê tông, T2019-83TD, 2018, Cấp trường trọng điểm, Chủ nhiệm.

- Đánh giá độ bền và khả năng phục vụ của bê tông nhựa khi thay thế bột khoáng trong bê tông nhựa bằng xúc tác rfec thải từ nhà máy lọc dầu, B2019-SPK-01, 2019-2021, Cấp bộ, Chủ Nhiệm.

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: 0 sáng chế, giải pháp hữu ích

- Tổng số có: 0 tác phẩm nghệ thuật

- Tổng số có: 0 thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp):

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 0NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kể với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn):

1. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

1.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

1.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

ORCID: <https://orcid.org/my-orcid?orcid=0000-0001-7968-1221>

Google scholar: <https://scholar.google.com.vn/citations?user=0h65xjoAAAAAJ&hl=vi>

1.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Anh Văn
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: tốt

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.



TP. HCM, ngày 19 tháng 05 năm 2022

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS. TS. Lê Anh Thắng